TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Kế toán**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 22 (2026 - 2030)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **122**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15 tự chọn: 3)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**15**			
TC70101	Tiền tệ và Thị trường tài chính	3	30	30	0
CB70201	Toán kinh tế	3	45	45	0
KT70101	Nguyên lý kế toán	3	45	45	0
QT70020	Kinh tế học	3	45	45	0
KT70102	Thuế ứng dụng	3	45	45	0
CB70411	Bơi lội (*)	1	30	0	30
TH70001	Tin học 1*	2	45	15	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71331	English 1	3	45	45	0
TQ71321	Chinese 1	3	45	45	0
HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 6)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**14**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
KT70111	Kế toán tài chính 1	4	60	45	0
TC70211	Toán tài chính	3	45	45	0
KT70103	Luật kinh tế	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2*	2	60	0	60
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2(*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3(*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4(*)	2	60	0	60
Học phần tự chọn		**6**			
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TC71204	Ngân hàng thương mại	3	45	45	0
TC70212	Thanh toán quốc tế	3	45	45	0
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71332	English 2	3	45	45	0
TQ71322	Chinese 2	3	45	45	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 4 học phần)					
CB71412	Bóng đá *	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền *	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông *	1	30	0	30
CB71410	Pickleball *	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: 5)					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
Học phần bắt buộc		**15**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70205	Thống kê ứng dụng	3	45	45	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
KT70106	Mô phỏng kế toán tài chính 1	3	90	0	90
KT70105	Kế toán tài chính 2	3	45	45	0
Học phần tự chọn		**5**			
Kiến thức KHXH và nhân văn (chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
CB71104	Kinh tế xanh và phát triển bền vững	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ (Chọn 1 trong 2 học phần)		**3**			
TA71333	English 3	3	45	45	0
TQ71323	Chinese 3	3	45	45	0
Giáo dục thể chất* (Chọn 1 trong 3 học phần)					
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 2)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**16**			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
KT70112	Kế toán tài chính 3	2	30	30	0
KT70200	Nghiên cứu định lượng ứng dụng trong kế toán	2	30	30	0
KT70208	Hệ thống thông tin kế toán	3	60	30	30
TC71209	Marketing ngân hàng	2	30	30	0

KT70206	Kế toán chi phí	3	45	45	0
KT70107	Mô phỏng kế toán tài chính 2	2	60	0	60
Học phần Cơ sở ngành (Chọn 1 trong 2 học phần)		**2**			
TC71108	Tài chính quốc tế	2	30	30	0
TC71109	Quản trị doanh nghiệp	2	30	30	0
Học phần Ngoại ngữ* (Chọn 1 trong 2 học phần)					
TA71334	English for International Certification*	9	135	135	0
TQ71324	Chinese for International Certification*	9	135	135	0
HỌC KỲ 5: 19 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 13, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**13**			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TC70217	Phân tích đầu tư chứng khoán	3	45	45	0
QT71016	Quản trị tiền lương và phúc lợi	3	60	30	30
KT70207	Kế toán quản trị	3	45	45	0
KT70108	Kế toán thuế và mô phỏng báo cáo thuế	2	45	15	30
Học phần tự chọn: Chọn 1/3 chuyên ngành		**6**			
Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp		**6**			
KT71101	Kế toán ngân hàng	3	45	45	0
KT71102	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	45	45	0
Chuyên ngành kế toán số		**6**			
KT70118	Chuẩn mực kế toán quốc tế	3	45	45	0
QT71054	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	60	30	30
Chuyên ngành kế toán kiểm toán		**6**			
KT70204	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3	45	45	0

KT70121	Đạo đức nghề nghiệp kiểm toán	3	45	45	0
HỌC KỲ 6: 17 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 2, tự chọn: 15)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
Học phần tự chọn: Chọn 1/3 chuyên ngành		**15**			
Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp		**15**			
KT71201	Phân tích báo cáo tài chính	3	60	30	30
KT71103	Kế toán hợp nhất báo cáo tài chính	3	60	30	30
KT71202	Kiểm soát nội bộ	3	45	45	0
KT71104	Lý thuyết kế toán	3	45	45	0
KT70117	Đạo đức nghề nghiệp kế toán	3	45	45	0
Chuyên ngành kế toán số		**15**			
TC70107	Công nghệ tài chính	2	45	15	30
KT70119	Mô phỏng phần mềm kế toán	2	60	0	60
KT70120	Quản trị chiến lược trong môi trường số	3	45	45	0
TC71207	Tài chính xanh và công nghệ số	3	45	45	0
TC71208	Trí tuệ nhân tạo trong tài chính	2	30	30	0
TC71104	Đầu tư tài chính	3	45	45	0
Chuyên ngành kế toán kiểm toán		**15**			
KT70205	Thực hành kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	2	60	0	60
KT70122	Chuẩn mực kiểm toán quốc tế	3	45	45	0
KT70123	Kiểm toán ngân hàng, tài chính	4	60	60	0

KT70109	Kế toán và báo cáo kế toán quốc tế	3	45	45	0
QT71058	Kinh tế quốc tế	3	45	45	0
HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
KT70210	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180
HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
KT70211	Khóa luận tốt nghiệp	6	180	0	180
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		***6***			
KT70213	Chuyên đề tốt nghiệp	3	90	0	90
KT70214	Các vấn đề hiện tại của kế toán	3	45	45	0